

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST

Ngày 31/10/2018.

*“V/v Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Hưng và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Long Ca – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2017/TLST-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn 4, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN – Vắng mặt tại phiên tòa.

Người được nguyên đơn ủy quyền: Ông Trịnh Quốc K, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn 4, xã Q T, huyện TĐ, tỉnh ĐN – Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 1, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN – Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Đoàn Thị Th, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn 5, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người được nguyên đơn ủy quyền: Ông Trịnh Quốc K trình bày:*

Vào ngày 15/12/2016 là chỗ quen biết nên anh T có cho chị Trần Thị T vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Khi cho vay hai bên có viết giấy tờ vay với nhau và có thỏa thuận về thời hạn trả nợ là 03 tháng tức là đến ngày 15/3/2017, chị T phải trả số tiền 100.000.000 đồng cho anh T. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Để làm tin chị T có thể chấp cho anh T 01 giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 901182 thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 03, diện tích 732,4m², tọa lạc tại thôn 1, xã Q T, huyện TĐ, tỉnh ĐN. Quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn H và Trần Thị Th được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức cấp ngày 10/12/2013.

Đến hạn trả nợ ngày 15/3/2017 anh Tg đến nhà chị T nhiều lần để đòi nợ nhưng chị T vẫn cố tình không trả nợ cho anh T và không thừa nhận chữ ký trong giấy vay nợ ngày 15/12/2016 là của chị T.

Ngày 26/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong giấy vay nợ ngày 15/12/2016 của chị T với chi phí giám định là: 3.600.000 đồng.

Do đó, tôi làm đơn khởi kiện ra TAND huyện Tuy Đức để buộc chị T phải trả số tiền là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng tiền gốc và lãi suất quá hạn theo quy định pháp luật kể từ ngày 16/3/2017 cho đến khi kết thúc vụ án ngày 31/10/2018.

Yêu cầu chị T phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký và chữ viết với số tiền 3.600.000 đồng.

Về án phí: Chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị T trình bày:***

Khoảng tháng 12 năm 2016 tôi có cho chị Đoàn Thị T sống tại xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN mượn sổ đỏ của tôi để đi vay tiền trả nợ cho ngân hàng, thời hạn mượn là 01 tháng, hai bên thỏa thuận bằng miệng không có giấy tờ gì.

Chị Th mang sổ đỏ của tôi đến nhà anh T để vay tiền với số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận tôi không rõ. Sau đó anh T và chị Th có gọi điện thoại yêu cầu tôi đến nhà anh T để ký vào tờ giấy nợ chị Th vay tiền với tư cách “Người làm chứng”.

Tại biên bản đối chất và biên bản hòa giải lần 2, ngày 20 tháng 7 năm 2018 chị Trần Thị T thừa nhận chữ ký trong giấy vay nợ 15/12/2016 là của chị T, và tính đến ngày 20/7/2018 tôi còn nợ anh T số tiền gốc 100.000.000 đồng, 3.600.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký chữ viết và lãi suất quá hạn trong 16 tháng. Tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên xin anh T không lấy tiền lãi, còn số tiền gốc là 100.000.000 xin trả làm 3 đợt như sau:

- + Đợt 01: Trả vào ngày 30/12/2018 số tiền 20.000.000 đồng;
- + Đợt 02: Trả vào ngày 30/12/2019 số tiền 20.000.000 đồng;
- + Đợt 03: Trả số tiền còn lại vào ngày 30/12/2020.

Đề nghị anh T trả cho tôi một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tôi đi vay ngân hàng, sau khi vay được tiền tôi sẽ trả trước 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) vào ngày 20/10/2018.

Về án phí tôi đồng ý chịu theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:

Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chị Trần Thị T chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Tranh chấp được thụ lý, giải quyết là vụ án dân sự, cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, được thụ lý, giải quyết đúng theo các Điều 26, 35, 39 BLTTDS.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 305; Điều 471; Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị T thừa nhận số nợ 100.000.000 đồng và đồng ý yêu cầu tính lãi của anh T nên cần chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Buộc chị Trần Thị T phải trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền gốc, tiền lãi quá hạn; tiền chi phí giám định chữ ký và chữ viết là có căn cứ và buộc chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện Tòa án đã triệu tập các đương sự trong vụ án tổng đạt các thủ tục tố tụng, tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định nhưng các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nên Tòa án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng; Bị đơn chị Trần Thị T có hộ khẩu tại thôn 1, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T yêu cầu chị Trần Thị T phải trả số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất quá hạn theo quy định pháp luật mà chị T đã ký giấy vay nợ ngày 15/12/2016 hạn trả nợ ngày 15/13/2017. Nhưng đến thời điểm nguyên đơn yêu cầu trả nợ bị đơn không chịu trả. Do đó anh Nguyễn Văn T khởi kiện chị Trần Thị T phải trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất quá hạn theo quy định pháp luật, bị đơn chị Trần Thị T đồng ý số nợ như nguyên đơn cung cấp nhưng xin trả dần. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự;

* Nhận định của Hội đồng xét xử:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự giao nộp chứng cứ gốc là giấy vay tiền ngày 15/12/2016, nội dung là anh Nguyễn Văn T có cho chị Trần Thị T vay số tiền 100.000.000 đồng hẹn đến ngày trả nợ là ngày 15/3/2017. Tòa

án đã tiến hành họp công khai chứng cứ cho các đương sự được biết; các đương sự đều thừa nhận chứng cứ trong hồ sơ là có thực, Chị T thừa nhận chữ ký và việc vay tiền của anh T. Trong quá trình Tòa án hòa giải thì người được nguyên đơn ủy quyền ông Trịnh Quốc K yêu cầu chị Trần Thị T phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi thành 01 lần; chị T không đồng ý và xin trả thành nhiều lần. Các bên không thống nhất được với nhau về thời hạn trả nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật;

[2] Việc vay mượn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đến thời hạn trả nợ anh T có đến gặp chị T để yêu cầu trả nợ nhưng chị T vẫn không chịu trả nên anh T làm đơn khởi kiện. Như vậy chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005.

[3] Trong giấy vay nợ ngày 15/12/2016 hai bên không có thỏa thuận lãi suất với nhau; Tuy nhiên trong quá trình hòa giải người được nguyên đơn ủy quyền ông Trịnh Quốc K yêu cầu chị Trần Thị T phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 16/3/2017 cho đến khi kết thúc vụ án ngày 31/10/2018.

* Do các bên vay mượn vào năm 2016, thời điểm Bộ luật dân sự 2005 đang còn hiệu lực pháp luật nên HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để tính lãi suất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 476 – Bộ luật dân sự 2005 quy định như sau:

“Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ” Theo Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010, của Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất cơ bản là: 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng.

Việc người được nguyên đơn ủy quyền ông Trịnh Quốc K yêu cầu chị T phải trả tiền lãi suất quá hạn cho anh T theo quy định của pháp luật cho anh T là có căn cứ nên cần chấp nhận.

$100.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 19 \text{ tháng} = 14.625.000 \text{ đồng}.$

[4] Về chi phí giám định chữ viết và chữ ký: Đối với số tiền chi phí giám định chữ viết và chữ ký mà nguyên đơn đã nộp là 3.600.000 đồng. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa người được nguyên đơn ủy quyền ông Trịnh Quốc K yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ chi phí giám định chữ viết và chữ ký. Yêu cầu này của người được nguyên đơn ủy quyền ông Trịnh Quốc K phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Vì vậy cần buộc chị Trần Thị T phải trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 3.600.000 đồng.

Như vậy cần buộc chị Trần Thị T phải trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền gốc, tiền lãi quá hạn, tiền chi phí giám định chữ ký và chữ viết là: $100.000.000 + 14.625.000 + 3.600.000 = 118.225.000 \text{ đồng}$ (Một trăm mười tám triệu, hai trăm hai lăm nghìn đồng).

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Do chị T

là gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, do vậy HĐXX sẽ xem xét giảm 50% án phí cho chị T theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 184; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 305; Điều 471; Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với chị Trần Thị T.

1. Buộc chị Trần Thị T phải trả số tiền là 118.225.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu, hai trăm, hai trăm nghìn đồng*) cho anh Nguyễn Văn T. Trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); Tiền lãi quá hạn 14.625.000 đồng (*Mười bốn triệu, sáu trăm, hai trăm nghìn đồng*); Tiền chi phí giám định chữ viết và chữ ký 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005 tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc chị T phải nộp án phí dân sự là 5.749.000 đồng: $2 = 2.874.000$ (*hai triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng*). Trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 2.650.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) anh Nguyễn Văn T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000533, ngày 02/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

